

**THỐNG KÊ LIKE VÀ SHARE FANPAGE TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP.HCM
CỦA SINH VIÊN**

(Căn cứ Thông báo số 599/TB-LTT-ĐH&QLDL ngày 25/6/2020 về việc truyền thông Fanpage chính thức của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
1	18003992	Hoàng Nhất Khiêm	Khoa Cơ Khí	18C1-BCN1	11	20	55	Nguyễn Chí Nhân	1	3
2	18002802	Huỳnh Long Vĩ	Khoa Cơ Khí	18C1-BCN1					1	3
3	18005116	Lê Hoàng Long	Khoa Cơ Khí	18C1-BCN1					1	3
4	18004322	Lê Phước Lộc	Khoa Cơ Khí	18C1-BCN1					1	3
5	18002932	Ngô Nhật Tân	Khoa Cơ Khí	18C1-BCN1					1	3
6	18005262	Nguyễn Lương Tuấn	Khoa Cơ Khí	18C1-BCN1					1	3
7	18003922	Nguyễn Quan Tinh	Khoa Cơ Khí	18C1-BCN1					1	3
8	18003774	Nguyễn Văn Phát	Khoa Cơ Khí	18C1-BCN1					1	3
9	18002807	Trần Trung Hải	Khoa Cơ Khí	18C1-BCN1					3	4
10	18005661	Triệu Đa Ra	Khoa Cơ Khí	18C1-BCN1					1	3
11	18002068	Võ thanh nhân	Khoa Cơ Khí	18C1-BCN1					4	4
12	18005564	Hà Triệu Ái Nhân	Khoa Cơ Khí	18C2-CCK1	7	23	30	Bùi Thị Ngọc Sương	2	3
13	18005809	Hồ Tấn Lộc	Khoa Cơ Khí	18C2-CCK1					2	3
14	18005545	Huỳnh Nguyễn Hoàng Hưng	Khoa Cơ Khí	18C2-CCK1					1	3
15	18005794	Lê Minh Nhật	Khoa Cơ Khí	18C2-CCK1					3	4
16	18005750	MẠCH QUỐC THĂNG	Khoa Cơ Khí	18C2-CCK1					2	3
17	18005669	Nguyễn Công Khoa	Khoa Cơ Khí	18C2-CCK1					1	3
18	18005799	Nguyễn Quang Huy	Khoa Cơ Khí	18C2-CCK1					1	3
19	18005800	Võ Kim Long	Khoa Cơ Khí	18C2-CCK1					1	3
20	19001606	Lê anh Dũng	Khoa Cơ Khí	19C1-CCK1	6	55	11	Bùi Anh Tuấn	1	3
21	19000756	Nguyễn Thanh Sơn	Khoa Cơ Khí	19C1-CCK1					2	3
22	19005373	Nguyễn Văn Quang	Khoa Cơ Khí	19C1-CCK1					3	4
23	19001805	Phạm Đức Tín	Khoa Cơ Khí	19C1-CCK1					2	3
24	19001923	Trần văn Khải	Khoa Cơ Khí	19C1-CCK1					1	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
25	19002274	Trương Anh Vũ	Khoa Cơ Khí	19C1-CCK1					1	3
26	19001602	Hoàng phùng hưng	Khoa Cơ Khí	19T4-CCK1	6	65	9	Đương Minh Chung	1	3
27	19001514	Lê Quang Nhật	Khoa Cơ Khí	19T4-CCK1					2	3
28	19000704	Phạm Thanh Phúc	Khoa Cơ Khí	19T4-CCK1					1	3
29	19004156	Trần Hồng Sơn	Khoa Cơ Khí	19T4-CCK1					1	3
30	19000912	Trần Tuấn Kiệt	Khoa Cơ Khí	19T4-CCK1					1	3
31	19001095	Võ Trường An	Khoa Cơ Khí	19T4-CCK1					1	3
32	17000446	Hoàng Bảo Huy	Khoa Công nghệ thông tin	17T4-TKW1	16	20	80	Đinh Thị Huyền	1	3
33	17000822	Hoàng Đình Khang	Khoa Công nghệ thông tin	17T4-TKW1					1	3
34	17000398	Huỳnh Hữu Khương	Khoa Công nghệ thông tin	17T4-TKW1					1	3
35	17000913	Lê Nguyễn Tấn Duy	Khoa Công nghệ thông tin	17T4-TKW1					1	3
36	17001491	Ngo viet hoang	Khoa Công nghệ thông tin	17T4-TKW1					1	3
37	17000942	Nguyễn Duy Hào	Khoa Công nghệ thông tin	17T4-TKW1					1	3
38	17000583	Nguyễn Huy Toàn	Khoa Công nghệ thông tin	17T4-TKW1					1	3
39	17000427	Nguyễn Lê Minh Phúc	Khoa Công nghệ thông tin	17T4-TKW1					1	3
40	17002630	Nguyễn Phước Quý Đạt	Khoa Công nghệ thông tin	17T4-TKW1					1	3
41	17000102	Nguyễn Tiến Phát	Khoa Công nghệ thông tin	17T4-TKW1					2	3
42	17000159	Phùng hoài lâm	Khoa Công nghệ thông tin	17T4-TKW1					1	3
43	17000721	Phùng Quốc Duy	Khoa Công nghệ thông tin	17T4-TKW1					2	3
44	17000998	TRỊNH NGUYỄN VŨ	Khoa Công nghệ thông tin	17T4-TKW1					2	3
45	17000778	Võ An Khang	Khoa Công nghệ thông tin	17T4-TKW1					2	3
46	17000955	Vo thanh long	Khoa Công nghệ thông tin	17T4-TKW1					1	3
47	17000776	Võ Tuấn Kiệt	Khoa Công nghệ thông tin	17T4-TKW1					1	3
48	18004614	Lê đặng tấn phát	Khoa Công nghệ thông tin	18C1-CMT1	4	39	10	Nguyễn Thanh Giang	1	3
49	18004650	Nguyễn chấn hưng	Khoa Công nghệ thông tin	18C1-CMT1					1	3
50	18003113	Phan Công Đông	Khoa Công nghệ thông tin	18C1-CMT1					1	3
51	18004829	Phan Văn Thuận	Khoa Công nghệ thông tin	18C1-CMT1					1	3
52	18005722	Vũ Quý Bảo	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-ANM1	13	33	39	Đinh Hồng Minh	1	3
53	18001117	Ngô Chí Đạt	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-ANM1					4	4
54	18000496	Thị Tấn Đạt	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-ANM1					2	3
55	18002243	Đinh Lê Tấn Huy	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-ANM1					3	4
56	18003239	Huỳnh Huy	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-ANM1					1	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
57	18001325	Phạm Huynh	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-ANM1					6	8
58	18005507	Hoàng Đăng Khôi	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-ANM1					1	3
59	18001082	Trần Duy Long	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-ANM1					3	4
60	18000933	Phan Ngọc Linh Quyên	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-ANM1					2	3
61	18001185	Võ Nguyên Thái	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-ANM1					6	8
62	18000446	Đỗ Nguyễn Phước Thuận	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-ANM1					5	5
63	18005051	Dương Minh Thuận	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-ANM1					3	4
64	18000606	Phạm Nhật Trường	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-ANM1					7	8
65	18000419	Bùi Huy ngọc Thiện	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1	19	33	58	Đỗ Thị Thom	1	3
66	18000223	Hoàng Trần Ngọc Nghĩa	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1					1	3
67	18001010	Huỳnh Gia Huy	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1					1	3
68	18001095	Huỳnh Tuấn Vũ	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1					1	3
69	18000779	Lê công huy	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1					1	3
70	18000066	Lương Long Thắng	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1					1	3
71	18000899	Ngô Đức Minh	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1					1	3
72	18000034	Ngô Hoàng Khang	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1					1	3
73	18000355	Nguyễn Hồng Hải	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1					1	3
74	18001083	Nguyễn Tín Hòa	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1					1	3
75	18001219	Nguyễn Trần Ngọc Thạch	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1					1	3
76	18000762	Phạm Nguyễn Anh Quân	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1					1	3
77	18000763	Phạm Nguyễn Duy Khang	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1					2	3
78	18001222	Phạm QuanG Huu	Khoa Công nghệ thông tin	18t4-LTM1					1	3
79	18004339	Phạm Thành Trung	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1					1	3
80	18004767	Phạm Thi Phương Tâm	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1					1	3
81	18005334	Quach Hue Ben	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1					1	3
82	18000105	Trần Quang Vinh	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1					1	3
83	18000431	Võ Phước Đại	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-LTM1					1	3
84	18000180	Ngô Trương Minh Tâm	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-QTM1	3	44	7	Lê Phi Trường	1	3
85	18005314	Nguyễn Tuyến Hưng	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-QTM1					1	3
86	18000255	Phạm Ngọc Hoàng Gia	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-QTM1					1	3
87	18000717	Đỗ Hồng Thái Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1	33	42	79	Cao Thị Hồng Thắm	1	3
88	18001058	HOÀNG HỮU QUỐC HUY	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					2	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
89	18005711	Hoàng Phú	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
90	18000434	Hồng Châu Hoàn	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
91	18000501	Huỳnh Nhật Trường	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
92	18000553	Lê Minh Nhật	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
93	18001334	Nguyễn Công nghĩa	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					2	3
94	18000656	Nguyễn duy khang	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
95	18001190	Nguyễn hùng phát	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
96	18005710	Nguyễn Hữu Đạt	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
97	18001197	Nguyễn Lê Tường Vy	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
98	18000802	Nguyễn Ngọc Tài	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
99	18001056	Nguyễn Ngọc Thành Trí	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					2	3
100	18001018	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
101	18000832	Nguyễn Nhật Tân	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
102	18000737	Nguyễn Tấn phát	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
103	18000342	Nguyễn Thị Hoài Thương	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
104	18000510	Trần Bảo Trí	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
105	18001067	Trần Hùng Văn	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
106	18000926	Đỗ Như Thuy	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					2	3
107	18005264	Hà Võ Phương Anh	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					2	3
108	18000372	La Đạo Trung	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
109	18001347	Lâm Tuấn Phong	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
110	18000552	Lê Minh Mẫn	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					2	3
111	18001102	Mai hữu danh	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
112	18000681	Nguyễn Đại Lợi	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
113	18000653	Nguyễn Minh Huy	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
114	1800094	Nguyễn Tiến Đăng Khoa	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
115	18000871	Nguyễn Vũ Minh Quân	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
116	18000450	Phạm Minh Nhật	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
117	18000675	Phạm Phú Thịnh	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
118	18000516	Võ Trần Hợp Tiến	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
119	18001292	Nguyễn	Khoa Công nghệ thông tin	18T4-TKĐ1					1	3
120	19005312	Diệp Minh Phát	Khoa Công nghệ thông tin	19C1-LTM1	9	64	14	Mai Chiếm Tuấn	1	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
121	19002694	Đoàn Duy Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin	19C1-LTM1					1	3
122	19005266	Hà Minh Đức	Khoa Công nghệ thông tin	19C1-LTM1					1	3
123	19004224	Huỳnh Khánh Nam	Khoa Công nghệ thông tin	19C1-LTM1					2	3
124	19002854	Lê Văn Nguyên	Khoa Công nghệ thông tin	19C1-LTM1					1	3
125	19002575	Nguyễn Công Danh	Khoa Công nghệ thông tin	19C1-LTM1					1	3
126	19003349	Nguyễn Duy Minh	Khoa Công nghệ thông tin	19C1-LTM1					1	3
127	19004517	Nguyễn Nhật Kha	Khoa Công nghệ thông tin	19C1-LTM1					1	3
128	19001772	Nguyễn Văn Ba	Khoa Công nghệ thông tin	19C1-LTM1					2	3
129	19004529	Đương Gia Chiêu	Khoa Công nghệ thông tin	19C2-QTM1	16	41	39	Trần Thị Hồng Thu	11	8
130	19004997	Lã Minh Trường	Khoa Công nghệ thông tin	19C2-QTM1					3	4
131	19004484	Lại Minh Trí	Khoa Công nghệ thông tin	19C2-QTM1					5	5
132	19004646	Lê bắc nam	Khoa Công nghệ thông tin	19C2-QTM1					1	3
133	19005464	Nguyễn Lê Huy	Khoa Công nghệ thông tin	19C2-QTM1					2	3
134	19004712	Nguyễn Lê Trọng Nghĩa	Khoa Công nghệ thông tin	19C2-QTM1					1	3
135	19004667	Nguyễn Thanh Sơn	Khoa Công nghệ thông tin	19C2-QTM1					4	4
136	19004525	Nguyễn Tiến Thiên	Khoa Công nghệ thông tin	19C2-QTM1					2	3
137	19004628	Nguyễn trung hiếu	Khoa Công nghệ thông tin	19C2-QTM1					1	3
138	19005404	PHẠM QUỐC NGUYỄN	Khoa Công nghệ thông tin	19C2-QTM1					2	3
139	19004609	Phương Bình Quân	Khoa Công nghệ thông tin	19C2-QTM1					9	8
140	19005445	Trần Kiên Dũng	Khoa Công nghệ thông tin	19C2-QTM1					2	3
141	19005446	TRẦN KIM HUY	Khoa Công nghệ thông tin	19C2-QTM1					1	3
142	19004998	Trần Minh Hiếu	Khoa Công nghệ thông tin	19C2-QTM1					1	3
143	19004833	Trần Quốc Hưng	Khoa Công nghệ thông tin	19C2-QTM1					2	3
144	19004615	Võ Trung Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin	19C2-QTM1					1	3
145	19001969	Lâm Minh Nhật	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-ANM2	17	32	53	Nguyễn Thị Thanh Hòa	3	4
146	19003133	Cao Thành Nhân	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-ANM2					2	3
147	19000889	Lê Đức Anh	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-ANM2					6	8
148	19001582	Lý Hoàng Long	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-ANM2					1	3
149	19000039	Mai Quốc An	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-ANM2					3	4
150	19003257	Lê Bảo Duy	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-ANM2					3	4
151	19000848	Cù Huy Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-ANM2					4	4
152	19002438	Lê Minh Khôi	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-ANM2					1	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
153	19003646	Nguyễn Văn Tài	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-ANM2					1	3
154	19001182	Nguyễn Đăng Khoa	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-ANM2					1	3
155	19002840	Nguyễn Quỳnh Nghinh Thy	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-ANM2					7	8
156	19001254	Nguyễn Thanh Trung	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-ANM2					5	5
157	19003268	Nguyễn Thị Thủy Vy	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-ANM2					1	3
158	19004292	Phạm Xuân Ý	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-ANM2					2	3
159	19002171	Võ Lê Anh Thư	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-ANM2					3	4
160	19000862	Nguyễn Quốc Việt	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-ANM2					5	5
161	19000702	Hồ Quang Vinh	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-ANM2					1	3
162	19001196	Nguyễn Nhật Nam	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-CMT1	2	57	4	Lê Minh Phong	1	3
163	19000910	Nguyễn vũ hữu Lộc	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-CMT1					1	3
164	19001335	Trịnh Minh Tiến	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-QTM1	1	61	2	Giang Phi Hùng	1	3
165	19001656	Đinh Ánh Linh	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1	33	57	58	Huỳnh Thị Cẩm Hoa	1	3
166	19003175	Đỗ Thành Công	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
167	19000963	Đoàn Lê Thục Mỹ	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
168	19001972	Hồ Phước lê minh	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
169	19004474	Lê Duy Thắng	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					2	3
170	19000976	Lê trần thiên tài	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					2	3
171	19001346	Lộc Thiên Vân	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					3	4
172	19001498	Lương Quang Phát	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
173	19000091	Lý Ngõ Bảo Nguyên	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
174	19002343	Nguyễn Đăng AN Ninh	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
175	19001587	Nguyễn đạt phúc thịnh	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
176	19001930	Nguyễn Doãn Khánh Duy	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
177	19001162	Nguyễn Gia Bảo	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
178	19001260	Nguyễn Hoàng Long	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
179	19000534	Nguyễn Lê Thanh BẠch	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
180	19000221	Nguyễn Quang Minh	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
181	19004472	Nguyễn tấn phát	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
182	19000737	Nguyễn Thị Bảo Trân	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
183	19005165	Ninh Quang Thiện	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					2	3
184	19003959	Phạm Hoàng Sang	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
185	19000238	Phạm NGuyễn Triều Vỹ	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					2	3
186	19001777	Phạm Quốc Việt	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					3	4
187	19003719	Phạm Trần Đức Dũng	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					2	3
188	19002258	Phan Anh Huy	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					3	4
189	19001316	Phan Hà Mai Quỳnh	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
190	19003324	Phan Nhật Tân	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
191	19000639	Tất Trung Thành	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
192	19001914	Trần Đức Huy	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					4	4
193	19002769	Trần Gia Huy	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					4	4
194	19001987	Trần Minh Tiến	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
195	19001708	Trần Nguyễn Trà Mi	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
196	19000817	Trương Thị Thanh Thảo	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
197	19001651	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-THU1					1	3
198	19002238	Bùi Trung Hiếu	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-TMĐ1	17	25	68	Hoàng Thị Trang	1	3
199	19004036	Châu Trần Anh Khoa	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-TMĐ1					1	3
200	19001466	Dư trọng thanh	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-TMĐ1					5	5
201	19000666	Hồ Nhật Minh	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-TMĐ1					1	3
202	19004396	Lâm Bình An	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-TMĐ1					1	3
203	19002227	Lê gia Hào	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-TMĐ1					4	4
204	19000980	Nguyễn hoàn anh tú	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-TMĐ1					2	3
205	19001608	Nguyễn Phan Quỳnh Mai	Khoa Công nghệ thông tin	19t4-TMĐ1					1	3
206	19000337	Nguyễn Thị Kim Ngân	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-TMĐ1					2	3
207	19001310	Phạm Nguyễn Phương Du	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-TMĐ1					1	3
208	19003393	Phan Hoàng Yến Ngân	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-TMĐ1					1	3
209	19001559	Thạch Thị Sang	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-TMĐ1					1	3
210	19000144	Trần Đăng Quang	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-TMĐ1					9	8
211	19001504	Trần Đình Quế Anh	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-TMĐ1					1	3
212	19002571	Trần gia huy	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-TMĐ1					1	3
213	19000290	Trần Phúc Thục Uyên	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-TMĐ1					1	3
214	19002183	Vũ Hồng Bảo Nhi	Khoa Công nghệ thông tin	19T4-TMĐ1					2	3
215	18005441	Đinh Thanh Dũng	Khoa Điện - Điện tử	18C1-ĐĐT2	8	38	21	Trần Thị Thu Hà	2	3
216	18003956	Đỗ Minh Tâm	Khoa Điện - Điện tử	18C1-ĐĐT2					1	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
217	18004186	Lê quốc trường	Khoa Điện - Điện tử	18C1-ĐĐT2					1	3
218	18003157	Lục Hoàng Hiền	Khoa Điện - Điện tử	18C1-ĐĐT2					2	3
219	18003769	Ngô Văn Huy	Khoa Điện - Điện tử	18C1-ĐĐT2					2	3
220	18004053	Nguyễn minh tân	Khoa Điện - Điện tử	18C1-ĐĐT2					1	3
221	18004283	Nguyễn Phan Ánh Dương	Khoa Điện - Điện tử	18C1-ĐĐT2					1	3
222	18005320	Nguyễn Thanh Hiếu	Khoa Điện - Điện tử	18C1-ĐĐT2					2	3
223	18000362	Lê Nguyễn Xuân Thiện	Khoa Điện - Điện tử	18T4-CĐT1	1	36	0	Lưu Hoàng Hải Yến	1	3
224	19093353	Nguyễn Duy Thái	Khoa Điện - Điện tử	19C1-CĐT1	3	45	7	Ngô Phong Cường	1	3
225	19004311	Trần Lê Như Bình	Khoa Điện - Điện tử	19C1-CĐT1					2	3
226	19003220	Võ Đức Vũ	Khoa Điện - Điện tử	19C1-CĐT1					1	3
227	19002349	Tổng tấn đạt	Khoa Điện - Điện tử	19C1-TĐH1	1	61	2	Đặng Đức Minh	5	5
228	19001328	Nguyễn Lê Trung Nghĩa	Khoa Điện - Điện tử	19T4-ĐCN1	1	39	3	Trần Giang Nam	1	3
229	18001092	Đặng Minh Khánh	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1	23	49	47	Đỗ Thị Ngát	1	3
230	18000704	Đặng Văn Bin	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
231	18000906	Đinh Cao Cường	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
232	18000006	đỗ đức khai	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
233	18005024	Đỗ Duy Khương	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
234	18000038	Đoàn Văn Nguyên Chương	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
235	18001052	Hà Ngọc Khánh	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
236	18000028	Ha van luong	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
237	18000469	Hồ Văn Quân	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
238	18000444	Huỳnh Văn Trung	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
239	18000586	Lê đăng trường vũ	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
240	18000663	Lê Tấn Đạt	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
241	18000003	Nguyễn Hữu Đăng	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
242	18000015	Nguyễn Phát Tài	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
243	18004955	Nguyễn Thế Công	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
244	18001043	Nguyễn văn sơn	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
245	18000585	Nguyễn Vũ Trường Sơn	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
246	18000143	Phạm Hoàng Phúc	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
247	18003026	Phạm Quốc Dũng	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
248	18000108	Phan văn ngọc	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
249	18000264	Trương Quốc Thảo	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
250	18001048	Võ duy khoa	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
251	18000734	Vũ Thanh Huy	Khoa Động lực	18C1-CNÔ1					1	3
252	18002281	Mai Quốc Hải	Khoa Động lực	18C1-CNÔ10	1	48	2	Nguyễn Thành Nam	2	3
253	18002595	BÙI VĂN THÔNG	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12	28	53	53	Giáp Thị Vượng	2	3
254	18002670	Cao Nguyễn Duy Anh	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					1	3
255	18002688	Đỗ Văn Tiến	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					2	3
256	18002524	Dương Thừa Ân	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					2	3
257	18003155	Hồ Tấn Phát	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					4	4
258	18002663	Hoàng Quốc Sơn	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					2	3
259	18003144	HUỲNH HỒNG SƠN	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					1	3
260	18002683	Huỳnh Trọng Hiếu	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					3	4
261	18002672	K' Hữu Nghĩa	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					1	3
262	18002673	K' Yon Mạ Thos	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					2	3
263	18002583	Lê Văn Trung	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					2	3
264	18002531	Lê Vĩnh Lộc	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					2	3
265	18002684	Nguyễn Bảo Hoàng	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					7	8
266	18002681	Nguyễn Chân Chính	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					2	3
267	18002555	Nguyễn Đức Cương	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					2	3
268	18002530	Nguyễn Minh Nhựt	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					3	4
269	18002546	Nguyễn Phương Nhật Long	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					4	4
270	18002660	Nguyễn Tấn Cường	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					2	3
271	18002666	Nguyễn Thanh Nói	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					1	3
272	18003062	Nguyễn Văn Thái	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					2	3
273	18002557	Ninh Quốc Tú	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					1	3
274	18002550	Phạm Thế Hiển	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					2	3
275	18002656	Trần Minh Hiếu	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					3	4
276	18003091	Trần Minh Nin	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					4	4
277	18003081	Võ Thanh Phương	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					2	3
278	18002602	Võ Thành Tân	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					2	3
279	18002612	Võ Văn Trung	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					2	3
280	18002556	Vũ hoàng tuần	Khoa Động lực	18C1-CNÔ12					3	4

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
281	18003882	Lê Minh Đạt	Khoa Động lực	18C1-CNÔ15	1	39	3	Huỳnh Thị Mai	1	3
282	18003397	Huỳnh Mạnh Trường	Khoa Động lực	18C1-CNÔ16	7	42	17	Phạm Huy Hoàng	1	3
283	18003350	Lê trọng Nghĩa	Khoa Động lực	18C1-CNÔ16					1	3
284	18003344	Lơ mu ellis	Khoa Động lực	18C1-CNÔ16					2	3
285	18003264	Nguyễn minh phúc	Khoa Động lực	18C1-CNÔ16					1	3
286	18003334	Nguyễn ngọc thành	Khoa Động lực	18C1-CNÔ16					1	3
287	18003372	Trì Minh Tuấn	Khoa Động lực	18C1-CNÔ16					1	3
288	18003358	Từ Văn Quyên	Khoa Động lực	18C1-CNÔ16					2	3
289	18001538	Đinh Như Khuê	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3	22	43	51	Kiều Trung Tín	1	3
290	18001487	Huỳnh Minh Trường	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					1	3
291	18001914	Lâm Đăng khoa	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					1	3
292	18001488	Lê Anh Đô	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					1	3
293	18001590	Lê Đức Thắng	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					1	3
294	18001519	Nguyễn Lê Công Trường	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					1	3
295	180015198	Nguyễn Lê Công Trường	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					1	3
296	18003654	Nguyễn Minh Chánh	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					2	3
297	18001618	Nguyễn Minh Triết	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					1	3
298	18001520	Nguyễn minh trọng	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					2	3
299	18001504	Nguyễn Phước Thọ	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					1	3
300	18001485	Nguyễn Quang Đại	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					3	4
301	18001471	Nguyễn Thành Trung	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					1	3
302	18001474	Nguyễn Văn Huy	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					2	3
303	18003857	Phan minh đức	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					1	3
304	18001480	Thân quốc toàn	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					1	3
305	18001542	Trần Bình Phương	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					1	3
306	18001566	Trần Đỗ Minh Hiếu	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					1	3
307	18001593	Trần Minh Trí	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					2	3
308	18001540	Trần Quang Vũ	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					2	3
309	18001472	Trương Thanh Tùng	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					1	3
310	18001484	Võ Chí Công	Khoa Động lực	18C1-CNÔ3					2	3
311	19003903	Bùi Tuấn Tú	Khoa Động lực	19C1-CNÔ12	13	54	24	Hà Quốc Bảo	3	4
312	19003972	Cao văn hiếu	Khoa Động lực	19C1-CNÔ12					1	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
313	19003878	Huỳnh Duy Thiện	Khoa Động lực	19C1-CNÔ12					3	4
314	19003885	Lê Nguyễn Phú Thịnh	Khoa Động lực	19C1-CNÔ12					1	3
315	19003955	Lý học tân	Khoa Động lực	19C1-CNÔ12					1	3
316	19003916	Ngô hoàng thuận	Khoa Động lực	19C1-CNÔ12					1	3
317	19003975	Nguyễn Chân Xuân	Khoa Động lực	19C1-CNÔ12					1	3
318	19003858	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Động lực	19C1-CNÔ12					2	3
319	19003949	Nguyễn Thành Phú	Khoa Động lực	19C1-CNÔ12					1	3
320	19003876	Nguyễn Thanh Văn	Khoa Động lực	19C1-CNÔ12					1	3
321	19003862	Nguyễn Thiên Quý	Khoa Động lực	19C1-CNÔ12					1	3
322	19003920	Phạm văn minh	Khoa Động lực	19C1-CNÔ12					1	3
323	19003856	Phạm Văn Trường	Khoa Động lực	19C1-CNÔ12					2	3
324	19004102	Nguyễn Hoài Phong	Khoa Động lực	19C1-CNÔ13	4	54	7	Hoàng Phúc Bảo	1	3
325	19004066	Nguyễn Hữu Quốc	Khoa Động lực	19C1-CNÔ13					2	3
326	19004173	Nguyễn Khánh Duy	Khoa Động lực	19C1-CNÔ13					2	3
327	19004112	Võ Đào Hùng Thịnh	Khoa Động lực	19C1-CNÔ13					1	3
328	19004457	Dương Quốc Khánh Chương	Khoa Động lực	19C1-CNÔ14	17	55	31	Đỗ Thị Ngát	2	3
329	19004685	Dương Tấn Đạt	Khoa Động lực	19C1-CNÔ14					2	3
330	19004515	Ha Công	Khoa Động lực	19C1-CNÔ14					2	3
331	19004411	Huỳnh Hữu Hiệu	Khoa Động lực	19C1-CNÔ14					2	3
332	19004504	Lê Hoàng Nhạn	Khoa Động lực	19C1-CNÔ14					2	3
333	19004446	Lê Trung Tuấn	Khoa Động lực	19C1-CNÔ14					2	3
334	19004494	Nguyễn Bảo Thắng	Khoa Động lực	19C1-CNÔ14					2	3
335	19004591	Nguyễn Hiếu Nghĩa	Khoa Động lực	19C1-CNÔ14					2	3
336	19004336	NGUYỄN HOÀNG TRỌNG	Khoa Động lực	19C1-CNÔ14					2	3
337	19004384	Nguyễn Thành Phước	Khoa Động lực	19C1-CNÔ14					2	3
338	19004507	Nguyễn Văn Nam	Khoa Động lực	19C1-CNÔ14					3	4
339	19004450	Nguyễn Văn Thanh Vũ	Khoa Động lực	19C1-CNÔ14					2	3
340	19004410	Phạm Phú Hồng Sơn	Khoa Động lực	19C1-CNÔ14					2	3
341	19004351	Phạm Văn Tuấn	Khoa Động lực	19C1-CNÔ14					2	3
342	19004449	Phan Nguyễn Phúc Thịnh	Khoa Động lực	19C1-CNÔ14					1	3
343	19004337	Tiêu Trọng Hoàng Nhân	Khoa Động lực	19C1-CNÔ14					2	3
344	19004487	Trần Tấn Thành	Khoa Động lực	19C1-CNÔ14					2	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
345	19002330	Bùi Thanh Trí	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6	29	51	57	Hoàng Thị Trang	1	3
346	19002298	Đặng Quang Vinh	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					13	8
347	19002303	Đặng Tấn Đạt	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					3	4
348	19002329	Hồ Văn Nhân	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					5	5
349	19002281	Huỳnh chí Bảo	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					2	3
350	19002287	Lâm Thành Nhân	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					5	5
351	19002237	Lê Minh Tráng	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					8	8
352	19002295	Lê Trung Kiên	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					10	8
353	19002290	Ngô Thế Quý	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					1	3
354	19002225	Nguyễn Đình An Khang	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					4	4
355	19002241	Nguyễn Hoài Linh	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					2	3
356	19002333	Nguyễn Hoàng Phương Khang	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					2	3
357	19003741	Nguyễn Mai Phương Bảo	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					1	3
358	19002294	Nguyễn Quốc Dương	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					9	8
359	19002323	Nguyễn Thanh Sang	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					7	8
360	19002305	Nguyễn Thanh Tiến	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					3	4
361	19002260	Nguyễn Trọng khôi	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					1	3
362	19002244	NGUYỄN VĂN DUY	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					10	8
363	19002263	Nguyễn Võ Minh Nguyên	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					1	3
364	19002262	Nguyễn Võ Minh Nguyên	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					1	3
365	19002250	Phạm Đăng Luân	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					1	3
366	19002285	Phạm Hồng Tú	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					1	3
367	19002230	Phạm Tiến Thành	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					1	3
368	19002289	Phan Hoài Phúc	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					4	4
369	19002224	Phan quang thiện	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					5	5
370	19002234	Trần Đức Chánh	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					1	3
371	19002272	Trần minh đạt	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					2	3
372	19002245	Trần Nguyễn Quốc Duy	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					5	5
373	19002256	Trương Minh Hòa	Khoa Động lực	19C1-CNÔ6					5	5
374	19005433	Châu Văn Mẫn	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1	24	55	44	Đinh Thị Huyền	1	3
375	19004853	Đặng Huy Bình	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
376	19005005	dinhquythanh	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
377	19004570	Dương Tấn Vũ Phương	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
378	19005436	HỒ VĂN CHÂU GIANG	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
379	19004622	Huỳnh Đức Tuấn	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
380	19004943	Huỳnh trần trường duy	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					2	3
381	19004676	Lại Thế Quyền	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
382	19004621	Lâm vĩnh thành	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
383	19004439	Lê công hậu	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
384	19004438	Lê Duy Phát	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
385	19004437	Lê Nguyễn Trường Thịnh	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
386	19005435	Lê Nhật Tân	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
387	19005411	Lưu Diệu Chương	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
388	19004697	Ngô Minh Nhật	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
389	19005425	Nguyễn Hoàng Hiệp	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
390	19005406	Nguyễn Quốc Khánh	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
391	19004932	nguyễn thành long	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
392	19005335	Nguyễn Trung Hậu	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
393	19005340	Nguyễn Xuân Thông	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
394	19004827	Phạm Tiến Trung Kiên	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
395	19005333	Thạch Bô Nị	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					2	3
396	19004830	Thân Trọng Quốc Huy	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
397	19005327	Trần kiến hảo	Khoa Động lực	19C1-CNÔ1					1	3
398	19000056	Bành nguyên cao minh	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1	31	60	52	Phạm Thị Vinh	1	3
399	19001051	Bùi Văn Tài	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
400	19001778	Đàm huỳnh hiếu nghĩa	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
401	19000196	Hoàng Khang	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
402	19000130	Hoàng Tú Anh	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
403	19000011	Huỳnh Nhựt Thành	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
404	19000031	Huỳnh Thái Toàn	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
405	19000136	Lê Minh Khang	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
406	19000029	Mach Arafın	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
407	19000106	Nguyễn bình phương nam	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					3	4
408	19000082	Nguyễn Cảnh Long	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
409	19000157	Nguyễn hoàng phương duy	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
410	19000179	Nguyễn Huỳnh Đức	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
411	19000148	Nguyễn Kim Hùng	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
412	19000150	Nguyễn lê cường thịnh	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
413	19000146	Nguyễn Mạnh Chinh	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
414	19000201	Nguyễn Minh Trí	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
415	19000208	Nguyễn Phúc Hiếu	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
416	19000203	Nguyễn Trần Quốc Pháp	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
417	19000141	Nguyễn Trung Hiếu	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
418	19000073	Nguyễn Tuấn Thành	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
419	19000118	Phạm lê đăng khoa	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
420	19005278	Phạm Văn Đồng	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					4	4
421	19000214	Tạ Đỗ Quốc Huy	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
422	19001406	Tô Đình Phát	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
423	19000197	Trần Bảo Minh	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
424	19000010	Trần Cao Long	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
425	19000202	Trần Kim Thành	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
426	19002847	Trần Minh Tâm	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					2	3
427	19000105	trần trọng phúc	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					2	3
428	19000074	Võ Lâm Đông Trúc	Khoa Động lực	19T4-CNÔ1					1	3
429	19000670	Đặng kiến khang	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4	45	59	76	Phan Thị Thùy Trang	1	3
430	19000867	ĐỖ DUY TÂN	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
431	19000738	Đỗ Hữu Thiên	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
432	19000869	Đoàn Minh Thuận	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
433	19000663	Đường Bá Triều	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					3	4
434	19000658	Hà Duy Long	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
435	19000657	Hồ Đình Quý	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
436	19000567	Hồ Đình Quý	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
437	19000877	Lại khắc thạch thiên an	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
438	19000722	Lê Thành Danh	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
439	19000875	Lê Trọng Tấn	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
440	19000784	Lê Vĩnh Phúc	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
441	19000705	Ngô Đức Gia Bảo	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
442	19000719	Nguyễn cảnh vũ	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
443	19000716	Nguyễn Đình Nghĩa	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
444	19000693	Nguyễn Đức Phát	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
445	19000748	Nguyễn đức vương	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
446	19000672	Nguyễn duy anh	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
447	19000788	Nguyễn Hoàng Phi	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
448	19000712	NGUYỄN HOÀNG TUẤN K	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
449	19000687	Nguyễn Hưng Thịnh	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
450	19005360	Nguyễn Nhật Trường	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
451	19000065	Nguyễn Phú Huy	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
452	19000677	Nguyễn Quốc Anh	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
453	19005267	Nguyễn Quốc Huân	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
454	19000780	Nguyễn Quốc Hưng	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
455	19000873	Nguyễn Quốc Tuấn	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
456	19000836	Nguyễn Thân Thế Huy	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
457	19000654	Nguyễn Thành Hưng	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
458	19000762	Nguyễn Thành Phát	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
459	19000772	Nguyễn Tiến An	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					2	3
460	19000725	Phạm Nguyễn Hưng Long	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
461	19000659	Phạm Thành Đạt	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
462	19000752	Trần đức khoa	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					2	3
463	19000876	trần lại thái sơn	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
464	19000046	Trần Nhật Phong	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
465	19004274	Trần Tấn Phúc	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
466	19000676	Trần Tuấn An	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
467	19000727	Trịnh hoàng khang	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
468	19000713	Trịnh Thế Khải	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
469	19000781	Võ Đoàn Nguyên Anh	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					2	3
470	19001523	Võ Hiếu Kỳ	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
471	19000881	Võ Hoàng Duy	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
472	19000821	Võ Hữu Toàn Khang	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
473	19000064	Xa Đồng Phúc	Khoa Động lực	19T4-CNÔ4					1	3
474	18001191	Lê Ngô Tuấn Kiệt	Khoa Khoa học cơ bản (Ngành Ngôn ngữ Anh)	18T4-NNA3	5	38	1	Nguyễn Thị Nhuận	3	4
475	18003535	Mai Thị Uyên Phương	Khoa Khoa học cơ bản (Ngành Ngôn ngữ Anh)	18T4-NNA3					1	3
476	18005175	Nguyễn Phạm Khánh Mai	Khoa Khoa học cơ bản (Ngành Ngôn ngữ Anh)	18T4-NNA3					1	3
477	18004199	Nguyễn Thị Minh Huệ	Khoa Khoa học cơ bản (Ngành Ngôn ngữ Anh)	18T4-NNA3					1	3
478	18003996	Nguyễn Thị Minh Thư	Khoa Khoa học cơ bản (Ngành Ngôn ngữ Anh)	18T4-NNA3					1	3
479	18004502	ngô quỳnh giao	Khoa Kinh tế	18C1-QTD1	2	48	4	Trịnh Hoàng Hiệp	2	3
480	18004095	Phan Hồ Ngọc Thanh	Khoa Kinh tế	18C1-QTD1					1	3
481	19003148	Mai Lê Trà My	Khoa Kinh tế	19C1-QTD1	23	57	40	Nguyễn Trọng Nghĩa Võ Thị Kim Thư	1	3
482	19001031	Bùi Thị kim Ngân	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
483	19005289	Hồ Ngọc Bảo Trân	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
484	19001501	Lê Hoàng Đăng Khoa	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
485	19001312	Lê Hoàng Tính	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
486	19000733	Lê Thùy An	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
487	19000791	Lê Trần Tiểu Mi	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
488	19001402	Lu Hoàng Thanh Ngọc	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
489	19000731	Mai Thanh Hà	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
490	19000861	Nguyễn Hà Thiên Thanh	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
491	19000641	Nguyễn Lê Nhã Quyên	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
492		Phạm Đình Phương Uyên	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
493	19000104	Nguyễn Lê Phương Linh	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
494	19001519	Nguyễn Thanh Tài	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
495	19001001	Nguyễn Thị Anh Thư	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
496	19001443	Nguyễn Thị Thu Hoài	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					2	3
497	19001347	Nguyễn Vi Bảo Ngọc	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					2	3
498	19000755	Phạm Đăng Phương	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					2	3
499	19000691	Phạm Nguyễn Minh Tuấn	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
500	19001332	Phạm Thái An Thuyên	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
501	19002017	Phạm Tường Vân	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					3	4
502	19001103	Trần Thị Hồng Dung	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
503	18000641	Trần Võ Hoàng Hải	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
504	19000439	Võ Thị Kiều My	Khoa Kinh tế	19T4-QTD1					1	3
505	19000210	Lê Hoài Thuý An	Khoa Kinh tế	19T4-TCĐ1	5	38	13	Lữ Xuân Trang	1	3
506	19004482	Nguyễn Duy Khiêm	Khoa Kinh tế	19T4-TCĐ1					1	3
507	19001573	Nguyễn Phan Trung Kiên	Khoa Kinh tế	19T4-TCĐ1					1	3
508	19001800	Phan Hà Phương	Khoa Kinh tế	19T4-TCĐ1					1	3
509	19001168	Trương Gia Kiệt	Khoa Kinh tế	19T4-TCĐ1					1	3
510	18003159	Đặng Thị Thuý Phương	Khoa May - Thời trang	18C1-CNM1	9	56	16	Nguyễn Bạch Cẩm Dung	2	3
511	18002104	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	Khoa May - Thời trang	18C1-CNM1					2	3
512	18002720	Nguyễn Thị Nguyệt Quế	Khoa May - Thời trang	18C1-CNM1					1	3
513	18002101	Nguyễn Thị Thủy Kiều	Khoa May - Thời trang	18C1-CNM1					2	3
514	18004541	Nguyễn Thị Tươi	Khoa May - Thời trang	18C1-CNM1					1	3
515	18005240	Phạm thị ngọc huyền	Khoa May - Thời trang	18C1-CNM1					3	4
516	17001781	Phan Thị Hồng Phúc	Khoa May - Thời trang	18C1-CNM1					1	3
517	18000010	Trần Thị Nhớ	Khoa May - Thời trang	18C1-CNM1					1	3
518	18005226	Trịnh Thị Ngọc	Khoa May - Thời trang	18C1-CNM1					2	3
519	17000506	Đào Mạnh Cường	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1	23	43	53	Đặng Thế Huân	1	3
520	17004418	Đào Xuân Quảng	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					2	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
521	17004065	Đỗ Hoàng Anh	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
522	17000259	Đỗ Quốc Phong	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					2	3
523	17000206	Đỗ Văn Khải	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
524	17002611	Đoàn Ngọc Đức	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
525	17000480	Lê Minh Trường	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
526	17000056	Lê Tự Việt Thanh	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
527	17001482	Lương Minh Duy	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
528	17000873	Ngô Dịp Hoài Hưng	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
529	17003477	Nguyễn Đức Khoa	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
530	17001484	Nguyễn Hoàng Luân	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
531	17000792	Nguyễn Hữu Khang	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
532	17000732	Nguyễn Minh Thuận	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
533	17000003	Nguyễn Phan Minh Khôi	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
534	17000024	Nguyễn Phước Hưng	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
535	17000722	Nguyễn Phước Huy	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
536	17000491	Nguyễn Trọng Hiếu	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
537	17000551	Nguyễn Văn Nghĩa	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
538	17001022	Phạm Duy Tân	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
539	17000533	Phan Trọng Nghĩa	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
540	17000469	Võ xuân thành	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
541	17000032	Vũ duy bách	Khoa Nhiệt lạnh	17T4-LĐL1					1	3
542	19001251	Lê Hoàng Huy	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-LĐL1	1	23	4	Nguyễn Văn Tấn	1	3
543	19003734	Bùi Ngọc Tú	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1	28	50	56	Phạm Thị Lê Chi	1	3
544	19002598	Đinh Văn Hiếu	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
545	19002554	Ha Nam Hùng	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					2	3
546	19000444	Hồ Thanh Thiên	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
547	19002911	Huỳnh Huy Hoàng	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
548	19001693	Lâm Hữu Lộc	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					2	3
549	19002730	Lê Duy Tâm	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
550	19004653	Lê Thiện Minh	Khoa Nhiệt lạnh	19c1-CNL1					2	3
551	19001807	lê văn quyết	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
552	19001719	Lê văn vương	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					2	3
553	19001751	Nguyễn Chí Dương	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
554	19004145	Nguyễn đức đạt	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
555	19003359	Nguyễn Hải Nam	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
556	19005222	Nguyễn Khánh linh	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
557	19002655	Nguyễn Khánh Tường	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
558	19003775	Nguyễn Quang Tuấn	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
559	19001673	Nguyễn Thanh Hoà	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
560	19002209	Nguyễn Thành Phú	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					2	3
561	19002818	Nguyễn Tiến Thành	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
562	19003617	Nguyễn Trần Hoàng Công	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
563	19003799	Nguyễn Văn Trường	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
564	19003204	Nguyễn Việt Hùng	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
565	19003566	Nguyễn Xuân Lộc	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
566	19003736	Phạm Duy Trọng	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
567	19004184	Phạm Minh Kha	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					2	3
568	19000613	Phan Minh Thành	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
569	19003208	Võ Phong Quang	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
570	19003795	Vũ Đình Khoa	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-CNL1					1	3
571	19003334	Võ Thành Đạt	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML1	8	54	15	Lê Quang Liêm	1	3
572	19003203	Kiều Thành Tự	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML1					3	4
573	19001836	Lê Minh Đạt	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML1					1	3
574	19002703	Lê Minh Thảo	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML1					2	3
575	19003008	Nguyễn Phạm Công Dự	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML1					2	3
576	19001929	Nguyễn Thanh Đạt	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML1					2	3
577	19002688	Nguyễn Văn Tuấn	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML1					1	3
578	19002793	Phạm Hữu Trí	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML1					2	3
579	19003907	Đỗ Thành Lương	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2	22	32	69	Lâm Thị Phương Thủy	1	3
580	19003567	Nguyễn Thiên Ân Diễm	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3
581	19004275	Nguyễn Văn Nhật	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					2	3
582	19004579	Nguyễn Văn Tài	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3
583	19004533	Trương Tấn Linh	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3
584	19004371	Nguyễn Trí Hữu	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3
585	19003432	Hong Quang Ngọc	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3
586	19004037	Huỳnh Quốc Thiện	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3
587	19004634	Lê Hoàng Phúc	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3
588	19003744	Lê Thành Khôi	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3
589	19002690	Nguyễn Đăng Khoa	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3
590	19003340	Nguyễn Thanh Quý	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3
591	19005228	Nguyễn Thành Trung	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3
592	19004378	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
593	19003274	Nhuyễn minh nhật	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2	37	55	67	Phạm Huy Hoàng	1	3
594	19003844	Trần Đình Đức	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					2	3
595	19004430	Trần Phước Đạt	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3
596	19004060	Trần Quang Minh	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3
597	19004232	Từ Sĩ Thiện	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3
598	19003595	Võ đình tuyển	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3
599	19004094	Vũ Đức Tuấn	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3
600	19003674	Lê Trọng Quân	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-KML2					1	3
601	19002872	Cao minh tâm	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
602	19003044	Dương Anh Hùng	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1	37	55	67	Phạm Huy Hoàng	2	3
603	19002126	Dương Quốc An	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
604	19002447	Huỳnh quang chí	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
605	19002803	Lê quang dũng	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
606	19003157	Lê Tấn Thành	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
607	19002485	Lê Thành Đạt	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					2	3
608	19002391	Lê Tư Linh	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
609	19002668	Lữ Quang Trung	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
610	19003046	Ngô Tấn Sang	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
611	19002765	Nguễn Trường Sơn	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
612	19002396	Nguy Huỳnh Minh Toàn	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
613	19002424	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
614	19002710	Nguyễn Châu Huy	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
615	19001931	Nguyễn Gia Huy	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
616	29002332	Nguyễn Hoàng Thanh Sơn	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
617	19001003	Nguyễn Hồng Thiên Long	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					2	3
618	19002634	Nguyễn Lộc An	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
619	19002331	Nguyễn Minh Châu	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
620	19002645	Nguyễn Song Huy	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					2	3
621	19002828	Nguyễn Tấn Phát	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
622	19002931	Nguyễn Thành Kiệt	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
623	19002203	Nguyễn Thành Lập	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
624	19002963	Nguyễn Văn Châu	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					2	3
625	19002795	Phạm Hữu Thanh	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
626	19002604	Phạm Tấn Trực	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
627	19002125	TÔ PHƯỚC VINH	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					2	3
628	19002431	Tô Thanh Phong	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
629	19002562	Trần Phúc Thiện	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
630	19002156	Trần Thanh Dư	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
631	19003172	Trần Thanh Mãi	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
632	19002936	TRUONG HOAI PHUONG	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
633	19002901	Trương Trường vũ	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
634	19002722	Văn Minh Nhựt	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
635	19002883	Võ Chí tài	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					2	3
636	19002721	VÕ Hồng Phong	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
637	19002995	Lê 2	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL1					1	3
638	19004415	Bùi Minh Trí	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL2	16	51	31	Nguyễn Hữu Thiện	1	3
639	19002413	Lê huỳnh Hải	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL2					1	3
640	19004523	Lê Nguyên Tron	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL2					1	3
641	19003188	Lê Văn Nam	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL2					1	3
642	19005263	Nguyễn Hữu Chương	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL2					1	3
643	19005024	Nguyễn Thanh Lợi	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL2					2	3
644	19004203	Nguyễn Thành Thái	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL2					1	3
645	19005346	Nguyễn Trung Hậu	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL2					5	5
646	19004348	Nguyễn Xuân Tân	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL2					1	3
647	19005140	Phạm Hồng Sơn	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL2					1	3
648	19001067	Phạm Văn Viễn	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL2					2	3
649	19003394	Phan Khánh Tuấn	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL2					1	3
650	19005084	Trần Anh Tuấn	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL2					1	3
651	19003448	Trần Công Nghiệp	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL2					1	3
652	19004516	Trần Khán Vĩ	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL2					2	3
653	19004235	Trịnh Công Đề	Khoa Nhiệt lạnh	19C1-VSL2					2	3
654	19001446	Bùi Đăng Khoa	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1	23	32	72	Trần Thị Hồng Thu	1	3
655	19000864	Đỗ Minh Đức	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					4	4
656	19000151	Hồ Khánh Duy	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					1	3
657	19001339	Hồ Nguyễn Ngọc Bảo	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					6	8
658	19000446	Lai Phụng Kiên	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					3	4
659	19002817	Lê khắc chiến	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					4	4
660	19001709	Lục Văn Duy	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					2	3
661	19000127	Ngô Công Hoàng Linh	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					5	5
662	19001174	Nguyễn Đức Liêm	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					7	8
663	19001517	Nguyễn Hải Hoàng	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					1	3
664	19000966	NGUYỄN HUỲNH GIA BÁC	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					5	5

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
665	19001014	nguyễn thanh hiếu	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					6	8
666	19000336	Nguyễn Tiến Mạnh	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					3	4
667	19000395	Nguyễn Trần linh	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					9	8
668	19001288	Nguyễn Trung Kiên	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					4	4
669	19001060	Phan Hùng Cường	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					1	3
670	19004025	Tạ Đình Minh Đức	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					3	4
671	19000831	TRẦN ANH HUY	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					2	3
672	19004539	Trần Huỳnh Tiến Đạt	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					1	3
673	19001077	Trần Thái Tín Đạt	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					2	3
674	19000008	Võ Trung khang	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					2	3
675	19001166	Hà Lê Huy	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					1	3
676	19000747	Nguyễn Vũ Duy Anh	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL1					2	3
677	19001749	Đinh Nguyễn Lâm Phát	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2	29	35	83	Cao Thị Hồng Thắm	4	4
678	19001309	Đoàn minh tâm	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					1	3
679	19000706	Dư Tấn phát	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					3	4
680	19001734	Hồ Tấn Thành	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					2	3
681	19001591	Hồ Trọng Tính	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					1	3
682	19001439	Kiều minh trí	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					2	3
683	19000328	Lê Công Truyền	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					2	3
684	19002819	Lê Minh Trường	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					1	3
685	1900516	LÔ VIỆT PHI	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					1	3
686	19000723	Lữ nguyên Minh triết	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					1	3
687	19001662	Lưu Quang Sang	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					1	3
688	19001561	Mai Công Nghĩa	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					2	3
689	19000235	Nguyễn Anh Truyền	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					2	3
690	19000092	Nguyễn bá duy thành	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					1	3
691	19001020	Nguyễn Đức Quyền	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					3	4
692	19001655	Nguyễn đức tân	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					2	3
693	19001371	Nguyễn đức tiến	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					1	3
694	19003954	Nguyễn Hoang Luân	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					1	3
695	19001700	Nguyễn Huy Trinh	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					1	3
696	19001903	Nguyễn huỳnh phi long	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					2	3
697	19004315	Nguyễn khánh duy	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					1	3
698	19001441	Nguyễn Phương yên	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					1	3
699	19000549	Nguyễn Tấn Phúc	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					1	3
700	19001078	Nguyễn Tấn Thọ	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					2	3

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Số SV tham gia	Sĩ số lớp (hiện tại)	Tỷ lệ (%)	GVCN/CVHT	Số lượt thích & chia sẻ	Điểm cộng SV (Điểm rèn luyện HK2/2019- 2020)
701	19001322	Nguyễn trí thông	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					2	3
702	19002478	Phạm Cao Trí	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					2	3
703	19001432	Trần Công Minh	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					2	3
704	19000488	Trần Ngọc Trung	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					2	3
705	19000401	Trịnh Công Sơn	Khoa Nhiệt lạnh	19T4-VSL2					2	3

Tổng cộng danh sách có 50 lớp và 705 học sinh sinh viên.